

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày 30 tháng 10 năm 2023)

I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0800342517.

Ngày cấp: 07/09/2006.

Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220.3860096.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Bùi Danh Biễn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh: Giám đốc;

Chứng minh nhân dân số: 030066000475

Ngày cấp: 01/12/2015.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư.

Địa chỉ thường trú: số nhà 26 phố Mạc Đĩnh Chi, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện tại: số nhà 51 phố Bà Triệu, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220.3860096

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: Khai thác mỏ đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Ông Sao thuộc phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: đồi Ông Sao thuộc phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.3. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

1.4. Quy mô đầu tư:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 7,86 ha trong đó:
 - + Diện tích khai trường khai thác mỏ: 7,6 ha (*trong đó diện tích thuộc phường Bến Tắm là 3,5 ha, diện tích thuộc phường Hoàng Tân là 4,1ha*).
 - + Diện tích thuê đất làm đường vận chuyển ngoài mỏ: 0,26 ha (*thuộc địa phận phường Hoàng Tân*).

- Công suất thiết kế: 180.000 m³/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ san lấp các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận.

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

- + Khai trường khai thác: Khai trường khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gồm toàn bộ diện tích mỏ xác định trong phần "biên giới mỏ" 7,6ha.

- + Đường vận chuyển:

Tuyến đường vận chuyển trong mỏ: nối từ đường hiện có (cốt +40,0m) đến diện khai thác đầu tiên (cốt +70m) có tổng chiều dài 175 m, chiều rộng đường 9m. Đường được thiết kế trên nền đá gốc được san gạt, lu lèn đảm bảo cho các thiết bị vận tải đi lại an toàn, thuận tiện.

Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: phía Đông dự án, từ mức +11m, hào có dạng hoàn chỉnh và bán hoàn chỉnh, bám theo sườn địa hình phát triển đến mức +40m. Đường có chiều rộng 9m, chiều dài 282m, diện tích 2.627,7 m².

- + Mặt bằng sân công nghiệp: được bố trí trong diện tích khai trường khai thác bao gồm các công trình sau: Lán tạm điều hành mỏ diện tích 48m²; Bãi chứa sản phẩm diện tích 1.100 m².

1.5. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

1.5.1. Tổng vốn đầu tư: 12.466.650.000 đồng (*bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó:

a) Vốn cố định: 11.916.650.000 đồng

Trong đó bao gồm:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 5.775.260.000 đồng.
- Chi phí trồng rừng thay thế: 562.280.000 đồng.
- Chi phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 2.930.600.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 808.500.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 990.000.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 63.970.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình: 120.500.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 611.590.000 đồng.
- Chi phí khác: 53.960.000 đồng.

b) Vốn lưu động: 550.000.000 đồng.

1.5.2. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn đầu tư dự án được huy động từ 100% nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

1.6. Thời hạn hoạt động của dự án:

- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phượng Hoàng đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt cho Công ty sử dụng đất theo các hình thức sử dụng đất quy định tại Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai tại vị trí nêu trên với thời gian 08 năm.

- Hình thức nộp tiền thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

1.7. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Quý II/2024.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: Quý III/2024.

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động khai thác: Quý IV/2024 đến quý I/2025.

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất:

2.1. Địa điểm khu đất:

Khu vực nghiên cứu thực hiện dự án khai thác mỏ đất, đá làm VLXDĐT tại đồi Ông Sao thuộc phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh có tổng diện tích là: 7,86ha (trong đó diện tích khai thác 7,6ha; diện tích thuê đất làm đường vận chuyển ngoài mỏ kết nối với tuyến đường bê tông của địa phương là 0,26ha). Vị trí của từng khu vực được xác định như sau

❖ Diện tích khai thác khoáng sản

Khu vực khai thác mỏ khoáng sản làm VLXDĐT tại đồi Ông Sao, thuộc phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, có vị trí địa lý như sau:

- + Phía Bắc giáp diện tích đất đồi rừng của phường Bến Tắm.
- + Phía Nam giáp diện tích đồi rừng của phường Hoàng Tân.
- + Phía Tây giáp ranh khu vực khai thác của Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong và Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Phả Lại.

+ Phía Đông giáp diện tích đồi rừng của phường Bến Tắm và phường Hoàng Tân;
 Tổng diện tích khai thác là 7,6 ha (trong đó diện tích thuộc phường Bến Tắm là 3,5 ha, diện tích thuộc phường Hoàng Tân là 4,1ha). Ranh giới khu vực được giới hạn bởi 13 điểm góc khép kín, hệ tọa độ VN 2000, có tọa độ như sau:

Tọa độ ranh giới khu vực khai thác mỏ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN -2000	
	Kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°	
1	2339750,46	598115,65
2	2339736,46	598337,65
3	2339666,46	598343,65
4	2339620,46	598363,65
5	2339594,46	598315,65
6	2339478,46	598363,65
7	2339432,46	598345,65
8	2339412,46	598301,65
9	2339430,46	598219,65
10	2339412,46	598123,65
11	2339429,45	598063,61
12	2339597,10	598090,68
13	2339579,86	598171,10
Diện tích: 7,6ha		

❖ *Diện tích thuê đất làm đường vận chuyển*

Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ là tuyến đường có sẵn, từ ranh giới phía Đông mỏ kết nối với tuyến đường bê tông của địa phương. Chiều dài tuyến đường 1.589 m, chiều rộng 5 ÷ 6m, tổng diện tích thuê đất là 0,26ha, ranh giới khu vực được thể hiện tại bảng sau:

Tọa độ ranh giới khu vực thuê đất làm đường vận chuyển

Điểm góc	Hệ tọa độ VN -2000	
	Kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°	
M1	2339505.54	598352.44
M2	2339506.67	598380.03
M3	2339502.84	598392.98
M4	2339466.27	598459.66
M5	2339432.94	598505.65
M6	2339421.27	598505.39
M7	2339384.16	598502.10
M8	2339354.08	598497.01
M9	2339345.17	598494.98
M10	2339336.95	598515.49
M11	2339328.72	598511.82
M12	2339340.37	598482.77
M13	2339385.31	598493.17
M14	2339426.64	598496.83
M15	2339458.85	598454.50
M16	2339494.52	598389.35
M17	2339497.60	598378.97
M18	2339496.65	598356.12
Diện tích: 0,26 ha		

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai:

Bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Khu vực khai thác mỏ	75.974,3	96,66
1.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	7.153,0	9,10
1.2	Đất rừng sản xuất (RSX)	67.099,3	85,37
1.3	Đất giao thông (DGT)	1.567,0	1,99
1.4	Đất ở đô thị (ODT)	155,0	0,20
II	Khu vực thuê đất làm đường vận chuyển	2.627,7	3,34
2.1	Đất rừng sản xuất (RSX)	1.529,0	1,95
2.2	Đất giao thông (DGT)	1.098,7	1,40
	Tổng (I+II)	78.602,0	100,00

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất:

Bảng dự kiến nhu cầu sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khai trường khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	7,6	96,7
2	Diện tích thuê đất làm đường vận chuyển ngoài ranh giới mỏ	0,26	3,3
	Tổng (I+II)	7,86	100,0

- Thời hạn sử dụng đất là 08 năm theo tuổi thọ mỏ.

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án là 12.466.650.000 đồng bằng 100% tổng vốn đầu tư thực hiện dự án, đảm bảo điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư quy định tại Điều 14, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập năm 2022 của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phượng Hoàng, vốn chủ sở hữu của Công ty là 157.144.556.609 đồng, đảm bảo khả năng huy động vốn để thực hiện dự án.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp quyết định chủ trương đầu tư.

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất

- Khu vực đề xuất dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương chấp thuận thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án, công trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.

- Diện tích lập dự án đã được đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Chí Linh đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 15/02/2023. Khu vực mỏ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2040 của thành phố Chí Linh đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 là đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX).

- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phụng Hoàng là đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Ông Sao, phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương;

- Khu vực thực hiện Dự án khai thác mỏ đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Ông Sao, phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phụng Hoàng đã được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư phi nông nghiệp tại Công văn số 4039/UBND-VP ngày 26/10/2023

4. Nhu cầu về lao động:

Dự án đi vào hoạt động sẽ sử dụng khoảng 15 lao động đa số là người trong độ tuổi lao động trên địa bàn phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh.

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

5.1. Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Chí Linh, phù hợp quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản công nghiệp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 của địa phương.

5.2. Đánh giá sự tác động của dự án với phát triển kinh tế - xã hội:

- Trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu tài chính, cho thấy dự án đảm bảo các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.

- Dự án được thực hiện sẽ đáp ứng nhu cầu của người dân và tổ chức trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng.

- Hàng năm Công ty dự kiến nộp ngân sách khoảng 2,3 tỷ đồng từ các nguồn thuế (*thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất,...*).

- Hàng năm tạo việc làm cho 15 lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

5.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án:

- Dự án đi vào hoạt động sẽ tạo ra doanh thu trung bình khoảng 10,2 tỷ đồng/năm;

- Chi phí hàng năm để duy trì hoạt động của dự án và nộp thuế cho nhà nước tạm tính khoảng 8,0 tỷ đồng/năm;

- Sau khi trừ các khoản chi phí và nộp thuế cho nhà nước thì nhà đầu tư thu được khoản lợi nhuận khoảng 2,2 tỷ đồng/năm.

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

- Diện tích đề xuất dự án đã được bổ sung vào quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Hải Dương giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 tại quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Hải Dương.

- Diện tích lập dự án khai thác mỏ khoáng sản làm VLXDĐT tại đồi Ông Sao đã được đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Chí Linh (*Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Chí Linh*).

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

7.1. Các tác động môi trường

a) Tác động của khói bụi

Khói và khí độc phát sinh trong quá trình làm việc của các thiết bị khai thác và vận chuyển là tác nhân chính gây ô nhiễm môi trường không khí.

Khói, khí độc phát sinh có chứa khoáng chất nguyên liệu dầu mỏ khi vào phổi thường gây các kích thích cơ học và phát sinh phản ứng gây lên các bệnh hô hấp nguy hiểm, nhất là các xăng có độ Ôxyzen thấp.

Tác hại của dioxit lưu huỳnh và dioxit Ni tơ (SO_2 , NO_2): SO_2 , NO_2 là các chất kích thích, khi tiếp xúc với niêm mạc ẩm ướt tạo thành các axit gốc SO_2 , NO_2 vào cơ thể qua đường hô hấp hoặc hoà tan vào nước bọt vào đường tiêu hoá sau đó thâm nhập vào máu. SO_2 , NO_2 khi kết hợp với bụi tạo thành các oxit bụi lơ lửng, nếu kích thước nhỏ hơn 2-3 micromet sẽ vào tới phế nang, bị đại thực bào phá huỷ hoặc đưa đến hệ thống bạch huyết, SO_2 có thể bị nhiễm độc qua da gây sự chuyển hoá toan tính làm giảm dự trữ kiềm trong máu.

Ôxít cacbon (CO) và khí cacbonic (CO_2): Ôxít cacbon (CO) dễ gây độc do kết hợp khá bền vững với hemoglobin thành cacbonxyhemoglobin dẫn đến giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức tế bào. Khí cacbonic (CO_2) gây rối loạn hô hấp phổi và tế bào do chiếm mất chỗ của oxy. Nồng độ tối đa cho phép của CO_2 không lớn hơn 0,034%.

b) Tác động đến môi trường nước

- Chất rắn lơ lửng: Chất rắn lơ lửng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên nước do tăng độ đục nguồn nước làm giảm năng suất sinh học và gây bồi lắng cho nguồn tiếp nhận. Theo TCVN 6984-2001 nồng độ các chất lơ lửng trong nước thải ra môi trường khi lưu lượng $Q = 50 \div 200 \text{ m}^3/\text{s}$ là 90mg/l.

- Các chất dinh dưỡng: N, P: gây hiện tượng phú dưỡng nguồn nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống thủy sinh.

- Các chất hữu cơ BOD: Các chất hữu cơ chủ yếu trong nước là Cacbonhydrate. Đây là hợp chất dễ dàng bị vi sinh vật phân huỷ bằng cơ chế sử dụng oxy hoà tan trong nước để oxy hoá các hợp chất hữu cơ.

- Dầu mỡ: Dầu mỡ khi thải vào nước sẽ loang trên mặt nước tạo thành mảng dầu, một phần nhỏ hoà tan trong nước hoặc tồn tại trong nước dưới dạng nhũ tương. Cặn chứa dầu khi lắng xuống sẽ tích tụ thành bùn. Dầu mỡ không những là những hợp chất hydrocacbon khó phân huỷ sinh học mà còn chứa các chất phụ gia độc hại như các chất dẫn xuất phenon, gây ô nhiễm môi trường nước, đất.

c) Tác động tới thảm thực vật

Hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Ông Sao sẽ làm thay đổi cảnh quan và làm mất đi thảm thực vật hiện có của khu vực, cụ thể là diện tích khai thác sẽ bị đào sâu xuống so với mặt bằng hiện trạng, thảm thực vật gồm các loại cây trồng đặc trưng của rừng như cây keo, cây bạch đàn,... sẽ bị mất đi. Khi kết thúc khai thác nhà đầu tư sẽ tiến hành cải tạo phục hồi môi trường khu mỏ theo quy hoạch của địa phương.

7.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

a) Khống chế ô nhiễm không khí

Khí thải của ô tô, máy xúc chứa các chất ô nhiễm bao gồm: bụi, khói, khí độc: SO_2 , NO_2 , CO , VCO .

Để giảm thiểu sự ô nhiễm gây ra do khí thải của các của các phương tiện vận tải áp dụng các biện pháp sử dụng nguồn nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, không chở quá tải, thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị khai thác, phương tiện vận tải đảm bảo thiết bị luôn ở điều kiện làm việc tốt nhất.

Bụi do đất, cát vương vãi trong quá trình khai thác, xúc bốc - vận chuyển một phần được gom vét, phần còn lại phát tán ra xung quanh ở phạm vi hẹp. Do đó trong quá trình khai thác đất sét nguyên liệu phải thực hiện việc phun tưới nước đối với khai trường khai thác và tuyến đường vận chuyển.

b) Khống chế ô nhiễm nguồn nước

Khai thác theo đúng công suất, thiết kế của dự án được duyệt. Thực hiện chế độ bảo dưỡng, kiểm tra nghiêm ngặt trước khi vận hành thiết bị khai thác không để dầu mỡ rò rỉ ra môi trường.

Xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Định kỳ tiến hành quan trắc và giám sát tiêu chuẩn môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

c) Khống chế các yếu tố vật lý

Để đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung cho các thiết bị trong khai thác, Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phượng Hoàng sẽ áp dụng các biện pháp chống ồn, rung cho các thiết bị, máy móc khi hoạt động như sau:

- + Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kì tra dầu mỡ bôi trơn.
- + Lắp đặt các đệm cao su, cơ cấu giảm chấn động và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất cao.

+ Áp dụng các biện pháp chống ồn do các phương tiện giao thông gây ra bằng cách không chế để ô tô chờ đúng, đủ trọng tải.

Những biện pháp nêu trên sẽ giảm thiểu độ ồn, độ rung đảm bảo cho sản xuất đạt tiêu chuẩn tiếng ồn của Bộ Y tế là dưới 90dBA.

c) Biện pháp giáo dục, tổ chức quản lý

Quản lý môi trường đối với mỏ khoáng sản làm VLXDĐT tại đồi Ông Sao sẽ được tổ chức thực hiện ngay từ khi xây dựng mỏ cho đến khi kết thúc đóng cửa mỏ. Thường xuyên giáo dục cho cán bộ công nhân viên của mỏ ý thức bảo vệ môi trường.

Cử cán bộ hoặc thành lập một bộ phận chuyên trách theo dõi về vấn đề môi trường mỏ để phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phát sinh trong quá trình khai thác mỏ. Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân để sớm phát hiện bệnh nghề nghiệp, chữa kịp thời cho người bệnh, có chế độ nghỉ điều dưỡng định kỳ phục hồi sức khỏe cho người lao động.

Các vấn đề quản lý cần bao gồm: quản lý nước thải; quản lý khí thải; quản lý tiếng ồn; quản lý bụi; quản lý về vệ sinh môi trường công nghiệp; quản lý về vệ sinh môi trường công cộng trong khu mỏ.

Hải Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2023

NHÀ ĐẦU TƯ



**GIÁM ĐỐC
BÙI DANH BIÊN**